

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 9- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Mạnh Cường và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 44a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Vân A , sinh năm 1991

Địa chỉ: khu 3, xã L, huyện T, tỉnh P. (có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Hải Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu 3, xã L, huyện T, tỉnh P. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị Vân A trình bày:

- Chị Lê Thị Vân A và anh Lê Hải Q kết hôn ngày 22/11/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về kinh tế. Từ tháng 6/2022 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Chị Vân A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Cháu Lê Minh H, sinh ngày 18/4/2011 và cháu Lê Phương Bảo N, sinh ngày 16/6/2017.

Nếu ly hôn, chị Vân A có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Nếu anh Q đồng ý nuôi 01 con thì chị cũng nhất trí để anh Q nuôi dưỡng cháu H.

- Về tài sản chung: chị và anh Q có tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất của gia đình anh Q. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức, ruộng đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hải Q trình bày:

Anh và chị Vân A kết hôn với nhau năm 2010 như chị Vân A đã trình bày. Anh cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây, chị Vân A tự ý chuyển ra phòng trọ ở, anh cũng không biết lý do tại sao. Nay chị Vân A xin ly hôn, anh có quan điểm xin được đoàn tụ vì vợ chồng không có mâu thuẫn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như chị Vân A đã trình bày. Nếu ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không đề nghị chị Vân A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: vợ chồng có 01 ngôi nhà xây trên đất của gia đình anh Q. Nếu ly hôn, anh không đề nghị giải quyết về tài sản.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị Vân A (nguyên đơn) thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; anh Q (bị đơn) chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng (không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa).

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị Vân A được ly hôn anh Lê Hải Q.

+ Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Lê Phương Bảo N, sinh ngày 16/6/2017; anh Lê Hải Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh H, sinh ngày 18/4/2011 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Lê Thị Vân A và anh Lê Hải Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Q có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Hải Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Quân là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị Vân A và anh Lê Hải Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh P ngày 22/11/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Vân A và anh Q có những bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã L cho biết quá trình chị Vân A và anh Q xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Anh Q cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên bản thân anh Q cũng thừa nhận chị Vân A đã không còn sống chung cùng anh, anh cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án báo gọi anh Q đến Tòa án để thực hiện thủ tục hòa giải, tuy nhiên anh Q cũng cố tình vắng mặt, không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ

việc anh Q xin đoàn tụ là chưa thật tâm. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị Vân A và anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị Vân A được ly hôn anh Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị Vân A và anh Q có 02 con chung là cháu Lê Minh H, sinh ngày 18/4/2011 và cháu Lê Phương Bảo N, sinh ngày 16/6/2017. Chị A và anh Q đều có nguyện vọng nuôi con. Xét chị A và anh Q đều là lao động tự do, đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, nếu giao cả 02 con chung cho một bên nuôi dưỡng thì bên trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về kinh tế do cả hai đều là lao động tự do. Vì vậy xét giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia là phù hợp.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức: hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Vân A có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Vân A được ly hôn anh Lê Hải Q.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương Bảo N, sinh ngày 16/6/2017; anh Lê Hải Quân trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh H, sinh ngày 18/4/2011 kể từ ngày 14/9/2022 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị Lê Thị Vân A và anh Lê Hải Q đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị Vân A có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003461 ngày 08/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị Vân A đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Lê Thị Vân A có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Hải Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h T;
- UBND xã L
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thanh Loan

